ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 187 /TB-UBND	*P. Nguyễn Đại Năng, ngày 05 tháng 7 năm 2026*

THÔNG BÁO

V/v công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 06 tháng năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 21/12/2025 của UBND phường Nguyễn Đại Năng về việc giao dự toàn thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn;

UBND phường Nguyễn Đại Năng thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 06 tháng năm 2026, như sau:

- Báo cáo của UBND phường Nguyễn Đại Năng về tình hình thực hiện dự toán ngân sách 06 tháng năm 2026.

(Biểu mẫu chi tiết có gửi kèm theo)

- Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở UBND phường Nguyễn Đại Năng, trên loa truyền thanh, cổng thông tin điện tử phường.

Trên đây là nội dung Thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 06 tháng năm 2026 của UBND phường Nguyễn Đại Năng. UBND phường Nguyễn Đại Năng thông báo tới toàn thể người dân, các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức trên địa bàn theo dõi, giám sát, nếu có phán ánh, kiến nghị đề nghị gửi văn bản về UBND phường Nguyễn Đại Năng để giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận: - Đảng ủy; HĐND-UBND; - Các ban, ngành, đoàn thể; tổ chức chính trị - xã hội; - Các Tổ dân phố; - Trung tâm DV sự nghiệp công (phát thanh); - Cổng thông tin điện tử phường (đăng tải); - Lưu: VT;	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Nguyễn Văn Hoàn**

UBND PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG

Mẫu biểu số 02

BÁO CÁO THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2026

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Thực hiện Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4=3/1*	*5*
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**45.260**	**44.421**	**51.603**	**114,0%**	
I	**Thu nội địa**	**45.260**	**44.421**	**51.603**	**114,0%**	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	210			**0,0%**	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	9.800	33.166	35.907	**366,4%**	
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.640			**0,0%**	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	16.110	2.012	4.207	**26,1%**	
	Trđó: Lệ phí trước bạ	15.380	1.922	4.002	**26,0%**	
7	Các khoản thu về nhà, đất	13.370	4.993	6.870	**51,4%**	
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*					
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	370	126	138	**37,3%**	
-	*Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*					
-	*Thu tiền sử dụng đất*	13.000	4.867	6.732	**51,8%**	
-	*Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN*					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	*Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế*					
-	*Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước*					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	900	131	131	**14,6%**	
14	Thu khác ngân sách	230	4.119	4.488	**1951,3%**	
II	**Thu từ dầu thô**					
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**	**0**	**0**	**0**		
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	**Thu viện trợ**					
B	**Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác**	**0**	**0**	**0**		
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**0**	**0**	**0**		
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP					
2	Thuế GTGT (phần NSĐP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%					

UBND PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG

Mẫu biểu số 03

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2026

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Thực hiện Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4=3/1*	*5*
	TỔNG CHI NSĐP	**193.495**	**48.954**	**85.902**	**44,4%**	
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**193.495**	**48.954**	**85.902**	**44,4%**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**27.737**	**10.275**	**11.793**	**42,5%**	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	27.737	10.275	11.793	**42,5%**	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	**Chi trả nợ lãi**					
III	**Chi thường xuyên**	**162.449**	**38.679**	**74.109**	**45,6%**	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	91.953	21.287	38.819	**42,2%**	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	390	37	37	**9,5%**	
IV	**Chi cho vay**					
V	**Chi viện trợ**					
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**	**3.309**			**0,0%**	
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**					
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**					
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI**	**0**	**0**	**0**		
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

UBND PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG

Mẫu biểu số 05

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC KHOẢN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ QUÝ II NĂM 2026

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Quyết định của UBND thành phố	Kinh phí BSMT được giao/phân bổ	Số đã rút dự toán tại KBNN quý II	Số rút lũy kế tại KBNN	Số chưa rút dự toán	Tỷ lệ số rút/dự toán được giao
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4=1-3*	*5=3/1*
	TỔNG CỘNG (I+II+III)		1.286	1.286	1.286	0	100%
I	**Bổ sung vốn đầu tư (Không bao gồm chi CTMTQG)**		0	0	0	0	
1	Kinh phí ĐTC theo QĐ....						
2	Kinh phí ĐTC theo QĐ....						
II	**Bổ sung vốn thường xuyên (Không bao gồm chi CTMTQG)**		1.286	1.286	1.286	0	100%
II.1	**Nguồn Dự phòng ngân sách cấp thành phố**		0	0	0	0	
II.2	**Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu**		0	0	0		
1	Kinh phí						
II.3	**Nguồn CCTL ngân sách cấp thành phố**		883	883	883		100%
1	Quyết định 2486/QĐ-UBND ngày 30/06/2026 Kinh phí NĐ 154	2.486	883	883	883		100%
II.4	**Các nguồn khác**		404	404	404	0	100%
1	Quyết định 1539/QĐ-UBND ngày 16/04/2026 Kinh phí ôn thi giáo dục	1.539	224	224	224		100%
1	Quyết định 1843/QĐ-UBND ngày 19/05/2026 Kinh phí Thực hiện Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2030 giao tại Quyết định số 5055/QĐ- UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố	1.843	45	45	45		100%
1	Quyết định 2346/QĐ-UBND ngày 23/06/2026 Kinh phí Thực hiện Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, khu dân cư thuộc các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hải Dương	2.346	135	135	135		100%
III	**Kinh phí thực hiện CTMTQG**						
III.1	**Chi đầu tư công**						
1	Kinh phí						
III.2	**Chi thường xuyên**						
1							